

Bản án số: 20/2018/DS-ST

Ngày 28- 5-2018

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Mai Hương
Bà Phùng Thị Khánh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa: ông Đỗ Đình Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXX-ST ngày 18 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐST- DS ngày 9 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phước L - sinh năm: 1958 (Có mặt)

Địa chỉ: 46 đường Huỳnh Minh T, khu phố H, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Bích G - sinh năm: 1964 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố S, thị trấn B, huyện M, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là ông Nguyễn Phước L trình bày :

Do mối quan hệ hàng xóm thân quen, ông Nguyễn Phước L thỉnh thoảng cho bà Trần Thị Bích G mượn tiền mỗi khi thiếu vốn kinh doanh. Những lần trước đây thì bà G trả uy tín, trả đúng hạn như thỏa thuận. Tuy nhiên, tháng 5 năm 2017, khi ông L cho bà G vay tiền thì đến nay vẫn không thanh toán. Cụ thể các khoản vay nội dung như sau:

-Ngày 2/5/2017, ông L cho bà G vay 100.000.000đồng; mục đích: Đáo hạn ngân hàng; lãi suất 3%/tháng; thời hạn vay: Khi nào bên cho vay cần lấy lại tiền gốc thì báo trước cho bên vay 2 tuần.

- Ngày 29/5/2017, ông L cho bà G vay 300.000.000đồng; mục đích: Đáo hạn ngân hàng; lãi suất 3%/tháng; thời hạn vay: 10 ngày trả cả vốn và lãi.

- Ngày 31/5/2017, ông L cho bà G vay 600.000.000đồng; mục đích: Đáo hạn ngân hàng; lãi suất 3%/tháng; thời hạn vay: Khi nào bên cho vay cần lấy lại tiền gốc thì báo trước cho bên vay 2 tuần; về lãi suất: 10 ngày trả cả vốn và lãi

Về hình thức: Vay tín chấp và hai bên chỉ lập giấy tay, không có xác nhận của phòng công chứng hoặc chính quyền địa phương.

Sau đó, khoảng 20 ngày, kể từ lần cho vay cuối cùng thì ông L được biết bà G làm ăn thua lỗ, nợ của rất nhiều người nên bỏ trốn khỏi địa phương. Khi đi, bà G không báo cho ông L biết nên ông L không thể biết địa chỉ mới để cung cấp cho Tòa. Hiện nay, ông L xác định bà G vẫn còn hộ khẩu thường trú và nhà đất tại khu phố S, thị trấn B, huyện M, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Từ khi bà G vay đến nay, bà G chưa trả gốc, lãi cho ông L. Số tiền ông L cho bà G vay ông xác định đây là tiền riêng, không liên quan đến tài sản chung vợ chồng và khi cho bà G vay cũng là cho cá nhân bà G vay, chồng bà G hoàn toàn không biết đồng thời trong giấy tay vay tiền chỉ có chữ ký, chữ viết của bà G xác nhận nợ. Do vậy, ông L chỉ yêu cầu cá nhân bà G có nghĩa vụ trả nợ gốc cho ông. Về lãi suất phát sinh thì ông L không có yêu cầu.

Bị đơn:

Trong quá trình Tòa án giải quyết đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng bà Trần Thị Bích G vắng mặt không có lý do nên không thể ghi nhận ý kiến của bà G.

Tòa án đã xác minh chính quyền địa phương về địa chỉ nơi bà G đăng ký nhân khẩu. Cơ quan có thẩm quyền xác nhận, bà G hiện nay vẫn còn nhà, đất tại địa phương và vẫn còn hộ khẩu thường trú tại địa chỉ ông L cung cấp, nhưng bà đã bỏ đi đâu không rõ từ tháng 11 năm 2017 đến nay. Khi đi, bà G không thông báo cho địa phương biết, vì vậy địa phương không thể cung cấp địa chỉ mới cho Tòa.

* Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài ra, nguyên đơn xác định đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp bổ sung

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Về sự vắng mặt bị đơn, Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bà Trần Thị Bích G. Tuy nhiên, bà G vắng mặt nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng

mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Bích G phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn L số tiền gốc là 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Trần Thị Bích G có nơi cư trú tại huyện Xuyên Mộc nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Tại thời điểm giao kết hợp đồng, bà G cung cấp địa chỉ cư trú tại số nhà số 43/1 khu phố Thạnh Sơn, thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau đó, bà G thay đổi nơi cư trú gắn liền với việc thực hiện nghĩa vụ nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết là vi phạm khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử xác định bị đơn cố tình dấu địa chỉ do đó theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án huyện Xuyên Mộc tiến hành niêm yết theo địa chỉ bị đơn cung cấp khi ký kết hợp đồng để giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Trần Thị Bích G đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai để tham gia phiên toà sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà G.

Quá trình tham gia tố tụng, ông L chỉ yêu cầu cá nhân bà G trả số tiền đã cho vay. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ông Nguyễn Phước L khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Bích G thanh toán số tiền gốc ông L đã cho bà G vay tổng cộng trong 3 lần là 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng). Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 2/5/2017, ông L cho bà G vay 100.000.000đồng; mục đích: làm vốn kinh doanh; lãi suất 3%/tháng; hình thức: vay tín chấp bằng giấy tay; thời hạn vay: Khi nào bên cho vay cần lấy lại tiền gốc thì báo trước cho bên vay 2 tuần.

- Lần 2: Ngày 29/5/2017, ông L cho bà G vay 300.000.000đồng; mục đích: làm vốn kinh doanh; lãi suất 3%/tháng; hình thức: vay tín chấp bằng giấy tay; thời hạn vay: 10 ngày trả cả vốn và lãi.

- Lần 3: Ngày 31/5/2017, ông L cho bà G vay 600.000.000đồng; mục đích: làm vốn kinh doanh; lãi suất 3%/tháng; hình thức: vay tín chấp bằng giấy tay; thời hạn vay: Khi nào bên cho vay cần lấy lại tiền gốc thì báo trước cho bên vay 2 tuần; về lãi suất: 10 ngày trả cả vốn và lãi.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình ông Nguyễn Phước L đã cung cấp cho Tòa hợp đồng vay tiền bằng giấy tay vào các ngày 2/5/2017, 29/5/2017, 31/5/2017 (BL: 19-21) và xác định những giấy tay này do bà G trực tiếp viết và ký. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc G nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà G không có ý kiến gì đối với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như không có yêu cầu phản tố. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 91, Điều 92 Tòa án căn cứ vào chứng cứ nguyên đơn cung cấp và chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để xem xét giải quyết.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: xét về nội dung, quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà G đã nhận tiền bằng chứng là viết giấy xác nhận nợ và đến nay vẫn chưa thanh toán cho ông L. Như vậy, bà G đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận. Xét về hình thức, theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay G cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”, như vậy hình thức của hợp đồng là không bắt buộc mà do các bên tự thỏa thuận có thể bằng lời nói hoặc bằng văn bản; do đó, hợp đồng vay giữa bà G và ông L bằng giấy tay về hình thức là hợp pháp. Từ những phân tích ở trên, hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông L yêu cầu bà Trần Thị Bích G phải thanh toán số tiền gốc còn nợ là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng).

Về lãi suất: Hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng. Tuy nhiên, sau khi vay được khoảng 20 ngày bà G bỏ đi không thanh toán lãi suất. Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn không có yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, có L cho bị đơn và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng) và hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466,

468, 688 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước L đối với bà Trần Thị Bích G về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bà Trần Thị Bích G có nghĩa vụ phải trả cho ông Nguyễn Phước L số tiền nợ gốc là 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Bích G phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng).

- Ông Nguyễn Phước L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.000.000đồng (Hai mươi một triệu đồng) theo biên lai thu tiền số TU/2016/0007341 ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Tuyền